* Báo cáo thống kê



* Đặc tả use case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên Use-case: Báo cáo thống kê | | ID: | Mức quan trọng: cao |
| **Tác nhân chính**: Quản lý | **Loại use-case**: Chi tiết, cần thiết | | |
| **Người liên quan và công việc liên quan**:  Quản lý: Quản lý muốn thống kê về dữ liệu bán hàng. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả quản lý sẽ thống kê về dữ liệu bán hàng và trình bày dưới dạng báo cáo. | | | |
| **Ràng buộc**: Quản lý chọn chức năng thống kê dữ liệu bán hàng từ trang dành cho người quản lý.  **Loại**: Bên ngoài. | | | |
| **Các mối quan hệ:**  1. Association: Quản lý  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Không có.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát:**  1. [Int] Quản lý chọn chức năng thống kê dữ liệu bán hàng.  2. [Out] Hệ thống hiển thị màn hình nhập dữ liệu để thống kê.  3. [Int] Quản lý nhập thông tin và nhấn button “Thống kê”. S-1: Xử lý nhập sai dữ liệu.  4. [Out] Hệ thống hiển thị kết quả thống kê và xuất ra file thống kê. S-2: Xử lý xuất file thống kê | | | |
| **Các dòng sự kiện con**:  S-2: Xử lý xuất file thống kê   1. [Out] Hệ thống hiển thị màn hình lựa chọn định dạng file, nơi lưu trữ và đặt tên. 2. [Int] Quản lý nhập thông tin lưu trữ. 3. [Out] Hệ thống thông báo thành công. | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ:**  S-1 3a Xử lý nhập sai dữ liệu. 1. Hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin.  2. Quay về bước 2. | | | |

* Sequence diagram



* Quản lý loại khách hàng



* Đặc tả use case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-case**: Quản lý loại khách hàng | | **ID**: | **Mức quan trọng**: cao |
| **Tác nhân chính**: Quản lý | **Loại use-case:** Chi tiêt, cần thiết | | |
| **Người liên quan và công việc liên quan**:  Quản lý: muốn thêm, xóa, cập nhật loại khách hàng. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả quản lý sẽ thêm, xóa, sửa loại khách hàng. | | | |
| **Ràng buộc**: Quản lý chọn chức năng quản lý loại khách hàng.  **Loại**: Bên ngoài. | | | |
| **Các mối quan hệ:**  1. Association: Quản lý  2. Mở rộng: Không có.  3. Bao hàm: Không có.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát:**  1. [In] Quản lý chọn chức năng quản lý loại khách hàng.  2. [Out] Hệ thống trả về danh sách loại khách hàng.  3. [In] Hoạt động 2:  Nếu quản lý chọn thêm loại khách hàng thực hiện S-1: Thêm loại khách hàng.  Nếu quản lý chọn xóa loại khách hàng thực hiện S-2: Xóa loại khách hàng.  Nếu quản lý chọn cập nhật loại khách hàng thực hiện S-3: Cập nhật loại khách hàng. | | | |
| **Các dòng sự kiện con:**  S-1. Thêm loại khách hàng.   1. [Out] Hệ thống trả về màn hình nhập thông tin. 2. [In] Quản lý nhập thông tin loại khách hàng và chọn “Thêm”. 3. [Out] Hệ thống thông báo thành công.   S-2. Xóa loại khách hàng.   1. [Int] Quản lý chọn loại khách hàng cần xóa và chọn “Xóa”. 2. [Out] Hệ thống thông báo thành công.   S-3. Cập nhật loại khách hàng.   1. [Out] Hệ thống trả về màn hình hiển thị chi tiết thông tin loại khách hàng. 2. [In] Quản lý nhập thống tin muốn cập nhât và chọn “Cập nhật”. 3. [out] Hệ thống thông báo thành công. | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ:**  S-1/S-3 2a. Xử lý nhập sai thông tin   1. Nếu nhập thông tin sai thì hiện thị thông báo nhập thông tin sai. 2. Quay về bước S-1/S-3 1 | | | |

* Sơ đồ sequence



* Quản lý chương trình khuyến mãi.
* Đặc tả use case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-case**: Quản lý chương trình khuyến mãi. | | **ID**: | **Mức quan trọng**: cao |
| **Tác nhân chính**: Quản lý | **Loại use-case:** Chi tiêt, cần thiết | | |
| **Người liên quan và công việc liên quan**:  Quản lý: muốn thêm, xóa, cập nhật chương trình khuyến mãi. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả quản lý sẽ thêm, xóa, sửa chương trình khuyến mãi. | | | |
| **Ràng buộc**: Quản lý chọn chức năng quản lý chương trình khuyến mãi.  **Loại**: Bên ngoài. | | | |
| **Các mối quan hệ:**  1. Association: Quản lý  2. Mở rộng: Không có.  3. Bao hàm: Không có.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát:**  1. [In] Quản lý chọn chức năng quản lý chương trình khuyến mãi.  2. [Out] Hệ thống trả về danh sách các chương trình khuyến mãi.  3. [In] Hoạt động 2:  Nếu quản lý chọn thêm chương trình khuyến mãi thực hiện S-1: Thêm chương trình khuyến mãi.  Nếu quản lý chọn xóa chương trình khuyến mãi thực hiện S-2: Xóa chương trình khuyến mãi.  Nếu quản lý chọn cập nhật chương trình khuyến mãi thực hiện S-3: Cập nhật chương trình khuyến mãi. | | | |
| **Các dòng sự kiện con:**  S-1. Thêm chương trình khuyến mãi.   1. [Out] Hệ thống trả về màn hình nhập thông tin. 2. [In] Quản lý nhập thông tin chương trình khuyến mãi và chọn “Thêm”. 3. [Out] Hệ thống thông báo thành công.   S-2. Xóa chương trình khuyến mãi.   1. [Int] Quản lý chọn chương trình khuyến mãi cần xóa và chọn “Xóa”. 2. [Out] Hệ thống thông báo thành công.   S-3. Cập nhật chương trình khuyến mãi   1. [Out] Hệ thống trả về màn hình hiển thị chi tiết chương trình khuyến mãi. 2. [In] Quản lý nhập thống tin muốn cập nhât và chọn “Cập nhật”. 3. [out] Hệ thống thông báo thành công. | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ:**  S-1/S-3 2a. Xử lý nhập sai thông tin   1. Nếu nhập thông tin sai thì hiện thị thông báo nhập thông tin sai. 2. Quay về bước S-1/S-3 1 | | | |

* Sơ đồ sequence

